

Bản tin chứng khoán

Trong số này

Nhận định **P.1**

Bộ lọc CP **P.2**

GD CP Ngân Hàng **P.3**

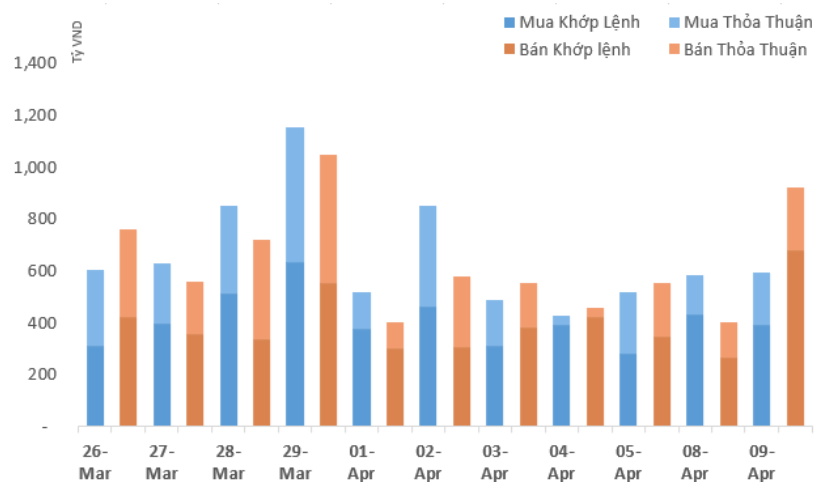
Kết quả kinh doanh **P.5**

Độ rộng thị trường



Thị trường đã có dấu hiệu điều chỉnh vào đầu phiên khi số cổ phiếu giảm chiếm áp đảo hơn hẳn so với mã tăng. Chỉ số Vnindex vẫn duy trì trạng thái đi ngang nhưng suy yếu dần khi các lệnh bán đổ ra nhiều hơn. Phiên chiều chứng kiến chỉ số index rơi rất nhanh một phần do nhà đầu tư trong nước chịu áp lực bán ra từ khối ngoại.

Khối ngoại bán ròng 324 tỷ trong ngày trong khi phiên trước đó mua ròng 180 tỷ. VJC bị bán ròng đến 79 tỷ đồng bên cạnh VIC (66.2 tỷ) và nhiều cổ phiếu AAA, VNM, PVS, VRE. Phía mua ròng ghi nhận PLX, VCB, GAS, BID, VHM và VEA.



Chỉ số index một lần nữa đảo chiều sau khi chạm mốc 1000 trong ngày. Áp lực bán ròng quá mạnh của khối ngoại là nguyên nhân chính khiến thị trường không thể bức phá mạnh vượt mốc kháng cự tâm lý. Các chỉ báo kỹ thuật không quá xấu vì vậy các lệnh mua sẽ gia tăng nếu thị trường điều chỉnh mạnh vào ngày hôm sau. Thị trường hiện đang đi ngang trong ngắn hạn vì vậy chiến lược mua tích lũy ở những phiên giảm mạnh vẫn tiếp tục duy trì. Chúng tôi vẫn lưu ý nhóm cổ phiếu đầu ngành BID, VCB, GAS, PVS, TV2, VRE, STK, TCM, LCG tiếp tục nắm giữ trong giai đoạn này.

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

PLX	87.1
VCB	29.0
GAS	27.8
BID	16.6
VHM	14.2
VEA	10.0
STB	4.6
BVH	3.5
PPC	3.4
LHG	3.2
HPG	(24.6)
HDB	(28.9)
CTD	(31.6)
VRE	(36.1)
PVS	(38.0)
VNM	(38.3)
AAA	(41.1)
VIC	(66.2)
VJC	(78.9)

Vnindex 988.48

▼ -9.08 (-0.91%)

Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
VJC	60,931	112.5	1.81
BVH	66,584	95.0	0.96
SSI	14,257	28.0	0.72
BID	122,219	35.8	0.70
VPB	49,012	20.0	0.50
TCB	88,639	25.4	0.40
PNJ	16,967	101.6	0.30
VCB	258,880	69.8	0.14
HNG	13,436	15.2	-
STB	22,095	12.3	-
EIB	21,577	17.6	(0.28)
MWG	37,090	83.7	(0.36)
MBB	48,070	22.3	(0.45)
ROS	17,766	31.3	(0.48)
BHN	19,008	82.0	(0.49)
HDB	28,204	28.8	(0.52)
CTG	82,473	22.2	(0.67)
DHG	15,363	117.5	(0.76)
REE	10,015	32.3	(0.77)
VHM	314,184	93.8	(0.85)
NVL	53,050	56.6	(0.88)
TPB	19,223	22.6	(0.88)
MSN	101,776	87.5	(0.91)
HPG	68,177	32.1	(0.93)
FPT	29,021	47.3	(1.05)
PLX	71,615	61.8	(1.28)
VNM	235,787	135.4	(1.31)
SAB	157,178	245.1	(1.72)
GAS	200,965	105.0	(1.87)
POW	35,714	15.3	(1.93)
VIC	360,653	113.0	(2.16)
KDH	13,042	31.5	(2.17)
VRE	80,577	34.6	(3.35)

Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Xu hướng	Hỗ trợ	Vùng mua
STK	23.3	4.5%	Tăng mạnh	19	19-20
VCB	69.8	3.4%	Tăng mạnh	63	63
LCG	11.8	8.3%	Tăng mạnh	9	10-10.5
PVD	19.7	5.9%	Tăng	17	17-17.5
TV2	134.0	4.7%	Tăng	120	124-126
BID	35.8	2.7%	Tăng	32	33-34
VRE	34.6	-3.9%	Đi ngang	32	32-33
GAS	105.0	4.0%	Đi ngang	94	94-95
PNJ	101.6	1.9%	Đi ngang	95	99-100
VNM	135.4	-2.6%	Đi ngang	134	134
TCM	32.1	6.3%	Đi ngang	28	28-30
PNJ	101.6	1.9%	Đi ngang	90	90-93
KDH	31.5	-2.2%	Đi ngang	30	30-31

Tin ngành – Giá cao su

Theo tính toán dựa trên số liệu của Tổng cục Hải quan, giá xuất khẩu cao su thiên nhiên trung bình của Việt Nam tăng 4,5% so với tháng trước. Từ 1.271,3 USD/tấn hồi tháng 1, giá đã lên 1.381,8 USD/tấn vào tháng 3 tăng 4,5% so với tháng 2/2019. Nâng giá xuất bình quân quý 1/2019 lên 1.318 USD/tấn, giảm 10,9% so với cùng kỳ năm trước.

Số liệu ước tính từ Cục XNK (Bộ Công Thương), lượng cao su xuất khẩu trong tháng 3/2019 đạt 110 nghìn tấn, trị giá 152 triệu USD, tăng 38,3% về lượng và 44,5% trị giá so với tháng 2/2019, nâng lượng cao su xuất khẩu quý 1/2019 lên 347 nghìn tấn, trị giá 457 triệu USD, tăng 32% về lượng và 17,7% trị giá so với cùng kỳ năm 2018.

Cũng theo thông tin từ Bộ Công Thương, tăng trưởng tiêu thụ cao su thiên nhiên của thế giới được dự báo sẽ chậm lại ở mức 2,5%/năm. Hơn nữa, nếu Mỹ áp thuế lên ô tô và phụ tùng ô tô từ Trung Quốc, nhu cầu cao su tự nhiên có thể bị ảnh hưởng tiêu cực, bởi Trung Quốc cũng là nước nhập khẩu cao su lớn nhất.

Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên đánh giá rằng các yếu tố cơ bản đang diễn biến theo hướng có lợi cho giá cao su thiên nhiên cả trên thị trường giao ngay và tương lai. Cùng với đà tăng của giá dầu thô, những tin tức tích cực liên quan tới đàm phán thương mại Mỹ - Trung Quốc cũng tiếp tục hỗ trợ cho đà phục hồi của giá mặt hàng này.



Bộ lọc cổ phiếu giao dịch tăng đột biến:

Ticker	Giá	So với tuần trước	KLGD 3T	KLGD 5 phiên gần nhất	KLGD tăng so với TB	RSI	StochK	Giá thấp nhất 6T	Giá cao nhất 6T
NTL	19.8	8.2%	247,946	679,040	174%	63.1	74.3	9.1	20.5
BCG	6.3	3.3%	214,186	557,180	160%	63.7	57.8	4.9	6.6
PXS	5.5	14.6%	194,320	475,950	145%	69.8	90.1	3.7	5.8
HDC	16.3	-4.1%	330,716	789,764	139%	53.8	55.4	12.9	17.5
PVC	7.3	0.0%	274,611	651,868	137%	56	50	5.6	7.8
BCC	8.6	10.3%	239,679	554,718	131%	65.1	69.7	6.4	9
NDN	13.9	6.1%	500,459	1,139,173	128%	58.2	77.5	11.3	14.6
C4G	11	0.0%	480,106	1,090,422	127%	59.5	70.1	7.9	12.2
TNI	11	17.0%	363,657	817,590	125%	69.8	92.2	8.8	11.5
TPB	22.6	1.3%	499,331	1,039,912	108%	65.6	58.5	19.3	24.1
HAH	14.1	4.4%	310,619	638,478	106%	62.8	57.2	12.7	14.3
AAA	18.5	7.6%	2,741,258	5,590,342	104%	71.6	83.8	13.8	18.9
NLG	28.5	4.4%	540,240	1,053,976	95%	61.3	83	25	31
VCS	67.6	6.8%	138,087	266,808	93%	56.5	66.8	60.9	78.8
PVB	20.5	3.5%	346,917	655,977	89%	58.1	68.9	15.1	21.5
HII	15.3	-1.3%	261,681	466,224	78%	57.7	21.7	13.6	16.1
LCG	11.8	8.3%	1,375,197	2,422,706	76%	62.9	62.6	7.9	12
PTB	65	3.3%	134,801	235,578	75%	60.6	71.1	57.7	66.1
PVD	19.7	5.9%	2,941,565	4,970,094	69%	62.8	82.1	13.9	20.3
GEG	24.5	10.9%	511,603	851,052	66%	86.6	89	13.9	24.8
AAV	10.4	3.0%	141,738	234,886	66%	62.2	78.6	9.4	11.4
PVS	22.5	6.1%	3,898,023	6,381,183	64%	60.2	80.3	16.7	23.5
FCN	15.5	4.0%	413,222	672,350	63%	56	70.8	12.6	16.6
SJF	4.2	5.0%	415,425	665,650	60%	46.5	41.3	4	14.1
CRC	17.3	-8.0%	162,199	259,814	60%	35.8	17.3	13.8	23.2
STK	23.3	4.5%	139,192	216,574	56%	61.2	67.8	13.7	24.2
GVR	11.8	-0.8%	278,969	416,058	49%	55	63.7	8.8	12.8
NKG	7.3	0.0%	693,163	1,027,422	48%	47.5	35.1	6	13.6
PDR	29	1.8%	868,780	1,231,518	42%	60.9	59.7	25	29.6



Cổ phiếu đang giảm mạnh hay chạm các vùng hỗ trợ

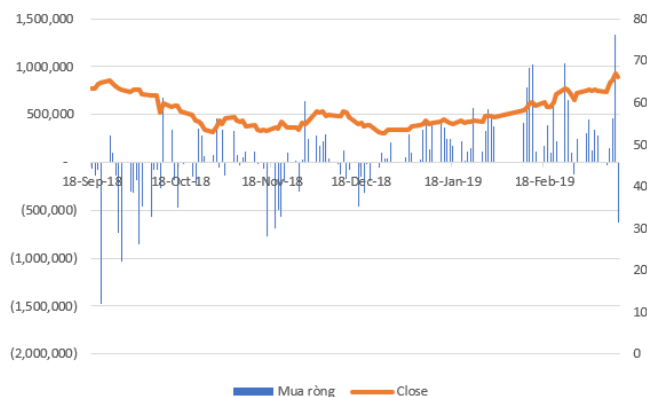
Ticker	Giá	So với tuần trước	KLGD 3T	KLGD 5 phiên gần nhất	KLGD tăng so với TB	RSI	StochK	Giá thấp nhất 6T	Giá cao nhất 6T
TVB	17.9	-3.8%	155,020	116,222	-25%	30.5	1.4	17.9	25.9
DAG	7	-4.1%	147,895	152,650	3%	36.6	4.7	6.2	7.8
VGC	19.6	-5.8%	2,267,037	1,294,027	-43%	33.9	5.3	15	22.1
VNG	22.5	-4.7%	363,492	326,766	-10%	42.8	7.4	17.4	24.1
FLC	5.1	-1.9%	7,903,564	4,737,528	-40%	35.4	8.3	4.9	5.8
OGC	4.7	-14.5%	2,139,522	2,195,380	3%	42.6	9.8	2.6	6
DRC	21.4	-4.0%	446,935	488,556	9%	38.4	11.1	20.5	24.8
SKG	14.6	-2.7%	171,781	198,730	16%	37.5	11.5	14.5	21.5
HSL	8.3	-7.8%	306,725	361,778	18%	31.4	13.6	8.3	22.9
CTD	130.9	-8.1%	135,934	187,470	38%	32.6	13.8	130.9	161.5
VPG	20.5	-10.9%	183,856	203,908	11%	40.1	16.1	19.1	24
DRH	9.2	-3.2%	257,418	156,414	-39%	41.7	16.2	8.7	13.6
DCM	9	-1.1%	687,495	443,450	-35%	43.3	16.9	8.7	10.6
CRC	17.3	-8.0%	162,199	259,814	60%	35.8	17.3	13.8	23.2
HHS	4	0.0%	1,024,808	1,095,754	7%	47.1	17.9	3.8	4.3
VPI	40.5	0.0%	240,435	187,452	-22%	38.2	19.3	40.2	43.5
VNM	135.4	-2.6%	900,346	773,126	-14%	43.3	20	113.4	151.6
DPM	18.6	-3.6%	511,353	281,380	-45%	31.7	21.5	17.1	22.9
HII	15.3	-1.3%	261,681	466,224	78%	57.7	21.7	13.6	16.1
SHB	7.5	-1.3%	5,473,264	2,362,250	-57%	46	22.2	7	8.3
LDG	13.1	-2.2%	1,337,470	689,906	-48%	39.3	25	13	18.2
VGS	10.2	-12.1%	119,649	24,530	-79%	44	25	6.8	13.2
VEA	49.9	-3.1%	517,272	401,726	-22%	48.3	26	32.6	53.3
VJC	112.5	-1.9%	809,340	790,322	-2%	33.5	26.4	110.5	139.2
HAR	3.9	0.0%	560,925	238,786	-57%	38.5	26.9	3.9	5.6
TTH	4.5	-4.3%	427,173	226,818	-47%	41.3	27.8	3.6	5.6
VIC	113	-2.8%	873,326	535,138	-39%	42.6	27.9	90.1	121.3
TCB	25.4	-0.4%	2,647,973	1,194,748	-55%	35.1	27.9	25	29.1



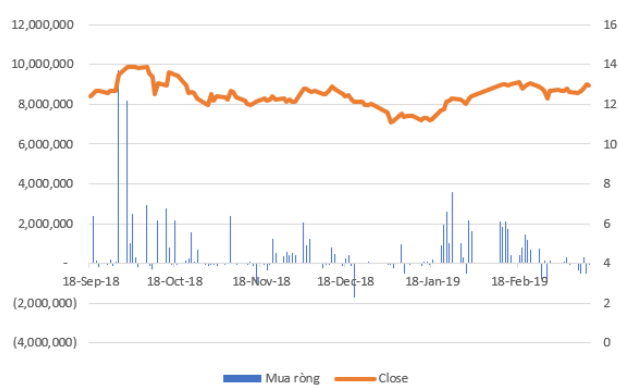
Giao dịch khối ngoại cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (đang nắm giữ)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	69.8	849,180	17.15	3.93	527,520	111,090	878,863,018	251,124	24.4%	4,070	17,758
CTG	HOSE	22.15	3,894,020	15.21	1.22	2,350	3,880	1,117,019,014	82,473	30.0%	1,456	18,120
BID	HOSE	35.75	2,081,540	16.61	2.23	595,090	133,060	107,456,390	122,219	3.1%	2,152	15,998
MBB	HOSE	22.25	3,079,710	7.77	1.41	-	3,870	432,090,271	48,070	20.0%	2,865	15,817
TCB	HOSE	25.35	1,526,530	10.47	1.71	-	-	787,033,936	88,639	22.5%	2,420	14,809
VPB	HOSE	19.95	2,070,500	6.86	1.45	-	-	570,052,382	49,012	23.2%	2,907	13,735
STB	HOSE	12.25	3,122,310	12.90	0.94	378,760	-	262,027,149	22,095	14.5%	950	13,066
EIB	HOSE	17.55	32,650	32.82	1.46	-	-	369,778,381	21,577	30.1%	535	12,046
HDB	HOSE	28.75	2,280,540	9.92	1.68	120	1,004,140	252,656,138	28,204	25.8%	2,897	17,154
TPB	HOSE	22.6	1,599,150	10.73	1.82	-	-	256,941,757	15,048	38.6%	2,107	12,424
SHB	HNX	7.5	2,670,715	5.42	0.55	5,000	-	117,574,218	9,023	9.8%	1,384	13,753
ACB	HNX	30.5	1,861,550	7.65	1.87	-	-	386,576,321	38,039	31.0%	3,987	16,311
NVB	HNX	8.6	295,100	65.96	0.80	-	-	112,175	2,560	0.0%	130	10,749
LPB	UPCOM	9.1	548,410	7.11	0.67	-	-	37,238,676	6,825	5.0%	1,280	13,601
BAB	UPCOM	20.8	6,200	16.83	1.61	-	-	1,138,530	11,440	0.2%	1,236	12,882
VIB	UPCOM	19.4	511,346	6.93	1.42	-	-	115,710,712	10,331	21.7%	2,800	13,615
KLB	UPCOM	10.6	10,000	14.30	0.91	-	-	57,001,000	3,391	17.8%	741	11,610

Mua bán ròng khối ngoại - VCB



Mua bán ròng khối ngoại - STB



HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Cổ phiếu
Quan tâm

Top tăng giá HOSE

VHC	1.68
HAX	1.74
VJC	1.81
IDI	1.88
TRC	2.34
TCL	2.58
ANV	2.65
FIT	2.83
SJF	2.97
JVC	3.06
DCL	3.45
QCG	4.17
DIC	4.53
FTM	5.17
VHG	6.42
VPG	6.79
PPI	6.82
TDG	6.84
SGT	6.94
PXS	6.95

Top tăng giá HNX

MAC	2.82
WSS	3.23
DNM	3.81
SGD	3.96
ORS	4.55
TET	4.76
VAT	5.00
SD6	5.26
PVL	5.88
DST	6.25
PVX	7.14
SDD	7.14
TIG	7.14
VIG	7.14
MBG	7.89
PGT	8.89
KSQ	9.09
L35	9.47
THB	9.65
VTJ	9.72
DPS	16.67

NNC - CTCP Đá Núi Nhỏ - Đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 với chỉ tiêu doanh thu 615 tỷ đồng, lợi nhuận 200 tỷ đồng, cổ tức bằng tiền mặt từ 50% trở lên.

PVB - CTCP Bọc ống Dầu khí Việt Nam – HĐQT dự kiến trình Đại hội cổ đông thường niên sắp tới kế hoạch kinh doanh 2019 với doanh thu 350 tỷ đồng, tăng 73% so với thực hiện năm 2018. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế lại chỉ ở mức 12,7 tỷ đồng, trong khi thực hiện năm ngoái là 23,1 tỷ đồng. HĐQT cũng trình phương án không chia cổ tức năm 2019.

HQC - Công ty cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân - Sẽ chính thức khởi động dự án bất động sản nông nghiệp thông qua việc thành lập công ty con Công ty Nông nghiệp Hoàng Quân, với vốn điều lệ 500 tỷ đồng. Năm 2019, HQC đặt kế hoạch doanh thu bán hàng 1.513 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 145 tỷ đồng. Tỷ lệ chia cổ tức phần đầu không dưới 5% vốn điều lệ.

SGR - Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn - Đặt kế hoạch 2019 với chỉ tiêu tổng giá trị đầu tư 2.255 tỷ đồng, trong đó đã bao gồm khoản dự phòng đầu tư 1.058 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế 210 tỷ đồng, cổ tức dự kiến 25%.

ACB - Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất khoảng 7.279 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2018. Lãi ròng dự kiến đạt 5.823 tỷ đồng. Tổng tài sản ACB dự kiến tăng 15% trong năm 2019, trong đó tín dụng tăng 13% theo hạn mức NHNN phân bổ ngày 14/3/2019. Huy động tiền gửi khách hàng tăng 15%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.

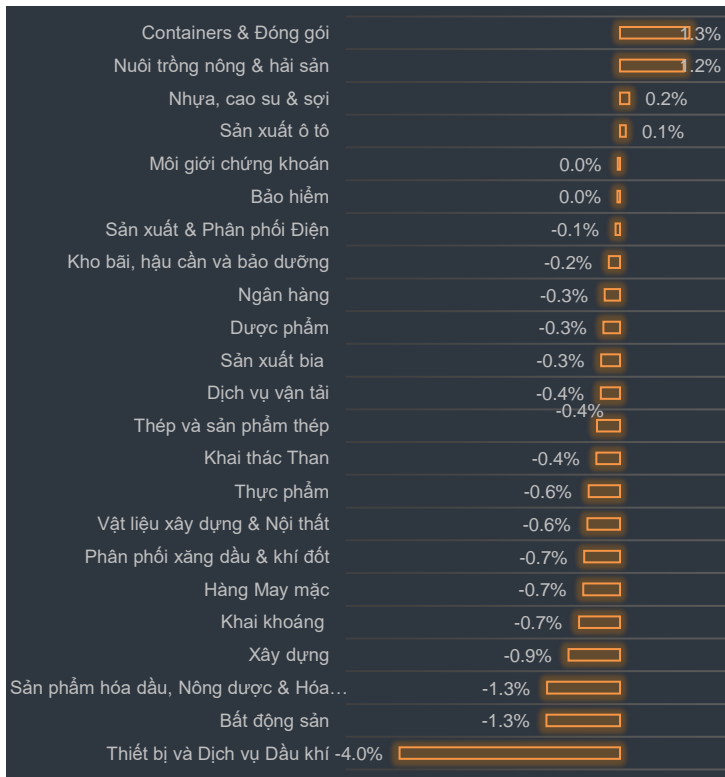
Đồng thời, ACB muốn tăng vốn lên hơn 16.600 tỷ đồng năm nay thông qua việc trả cổ tức 2018 bằng cổ phiếu tỷ lệ 30%.

IBC - CTCP Apax Holdings - HĐQT thống nhất không lựa chọn nhà đầu tư là Value Investment Management Co Ltd để mua trái phiếu chuyển đổi sẽ phát hành của IBC. Thay vào đó, IBC lựa chọn CTCP Quản lý quỹ Bông Sen là nhà đầu tư mua trái phiếu sẽ phát hành nêu trên.

SFI - CTCP Đại lý vận tải Safi – Đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 với chỉ tiêu doanh thu 900 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ 42,1 tỷ đồng, cổ tức theo tỷ lệ 15% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu.

BRC - CTCP Cao su Bến Thành - Ngày 03/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 06/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%,

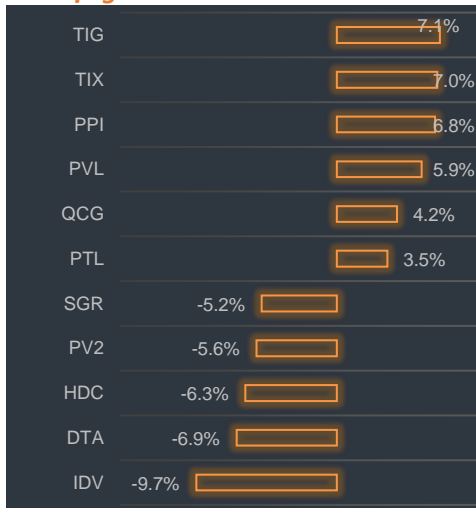
Tăng giảm ngành trong ngày



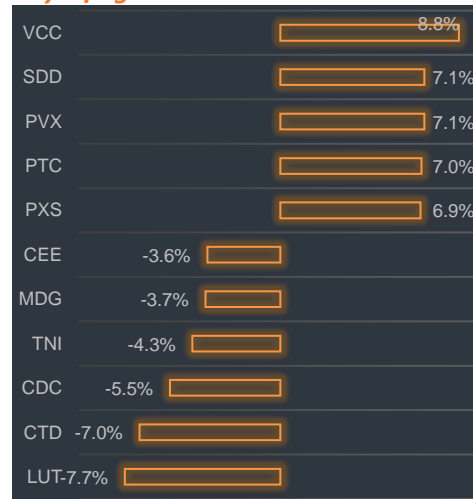
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	TIG, TIX, PPI
Xây dựng:	VCC, SDD, PVX
Dầu khí:	TDG, PVG, PVE
Chứng khoán:	VIG, ORS, WSS
Ngân hàng:	BID, VPB, TCB

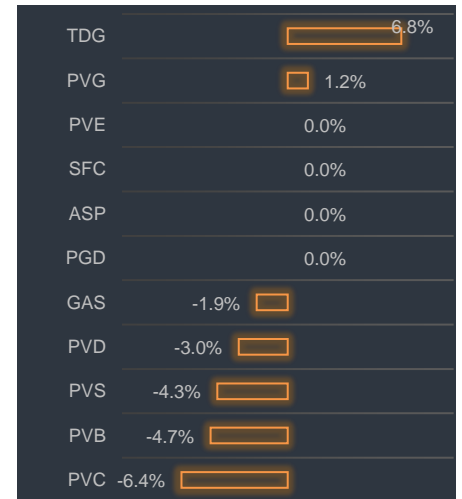
Bất động sản



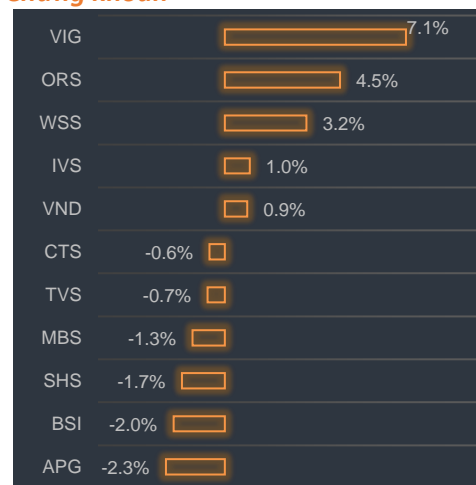
Xây dựng



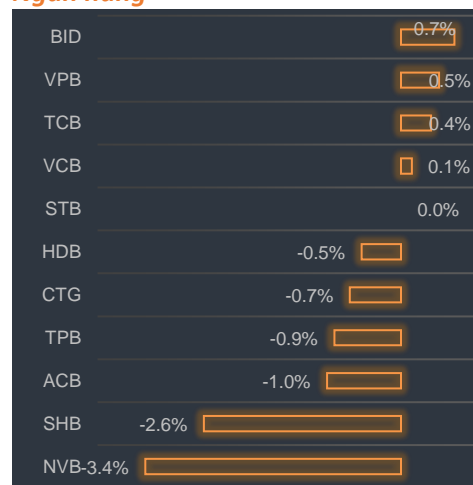
Dầu khí



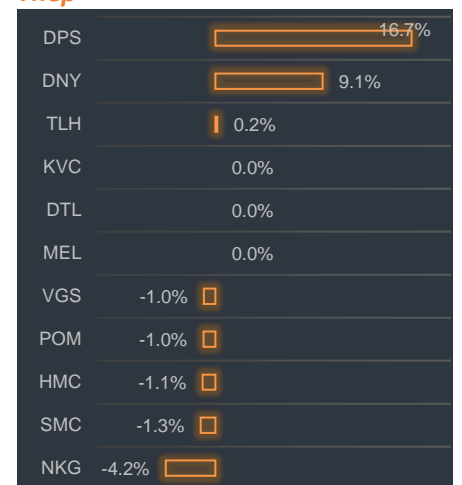
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931